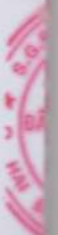


**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ  
CHỨNG KHOÁN TC CAPITAL VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG  
TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2018 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2018**

## MỤC LỤC

| NỘI DUNG  | TRANG   |
|---|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC                          | 02      |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 03 – 04 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG                 | 05 – 06 |
| BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG                  | 07      |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG                  | 08 – 09 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG  | 10      |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH                     | 11 – 19 |



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Chứng khoán TC Capital Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

### Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng thành viên**

|                       |              |
|-----------------------|--------------|
| Ông Tommy Tan         | Chủ tịch     |
| Ông Lê Tiến Nam       | Phó Chủ tịch |
| Ông Ravi Chidambaram  | Thành viên   |
| Ông Nguyễn Hoàng Thái | Thành viên   |
| Ông Đặng Quốc Hùng    | Thành viên   |

#### **Ban Giám đốc**

|                    |               |
|--------------------|---------------|
| Ông Đặng Quốc Hùng | Tổng Giám đốc |
|--------------------|---------------|

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Đặng Quốc Hùng, Tổng Giám đốc,



Đặng Quốc Hùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2018

Số: 95/2018/SX-AV2-TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 08 năm 2018, từ trang 05 đến trang 19, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, báo cáo thu nhập toàn diện riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và báo cáo biến động vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Báo cáo soát xét này được phát hành lại, thay thế cho báo cáo soát xét số 88/2018/SX-AV-TC ngày 16 tháng 07 năm 2018 do Công ty bổ sung các thông tin trong các Thuyết minh số 6, 8, 12, 13 của phần thuyết minh báo cáo tài chính.



**Phan Lê Thành Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm  
toán: 0922-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
*Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2018*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B01- CTCK  
Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu  | Mã số      | TM | 30/06/2018            | 31/12/2017            |
|---|------------|----|-----------------------|-----------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b><br>(100 = 110 + 130)                     | <b>100</b> |    | <b>15.626.213.690</b> | <b>11.114.690.826</b> |
| <b>I. Tài sản tài chính</b>   | <b>110</b> |    | <b>15.347.840.287</b> | <b>8.561.410.524</b>  |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền                               | 111        | 5  | 15.347.392.727        | 5.828.667.980         |
| 2. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp                               | 119        | 6  | -                     | 2.732.742.544         |
| 3. Các khoản phải thu khác  | 122        |    | 447.560               | -                     |
| <b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>                                    | <b>130</b> |    | <b>278.373.403</b>    | <b>2.553.280.302</b>  |
| 1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                              | 135        |    | 7.782.964             | 226.326.227           |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước                         | 136        | 7  | 270.590.439           | 270.590.439           |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác  | 137        | 8  | -                     | 2.056.363.636         |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)</b> | <b>200</b> |    | <b>158.875.939</b>    | <b>84.180.303</b>     |
| <b>I. Tài sản cố định</b>   | <b>220</b> |    | <b>141.232.649</b>    | <b>63.363.636</b>     |
| 1. Tài sản cố định hữu hình   | 221        | 9  | 141.232.649           | 63.363.636            |
| - Nguyên giá  | 222        |    | 189.090.909           | 275.005.297           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế  | 223a       |    | (47.858.260)          | (211.641.661)         |
| <b>II. Tài sản dài hạn khác</b>                                     | <b>250</b> |    | <b>17.643.290</b>     | <b>20.816.667</b>     |
| 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn                        | 251        |    | 11.250.000            | 11.250.000            |
| 2. Chi phí trả trước dài hạn  | 252        |    | 6.393.290             | 9.566.667             |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b><br>(270 = 100 + 200)                       | <b>270</b> |    | <b>15.785.089.629</b> | <b>11.198.871.129</b> |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B01-CTCK  
Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                       | Mã số      | TM        | 30/06/2018            | 31/12/2017            |
|--|------------|-----------|-----------------------|-----------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>        | <b>300</b> |           | <b>10.037.382.750</b> | <b>5.087.210.745</b>  |
| <b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>                 | <b>310</b> |           | <b>10.037.382.750</b> | <b>5.087.210.745</b>  |
| 1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 322        | 10        | 2.382.750             | 2.382.750             |
| 2. Phải trả người lao động                     | 323        |           | -                     | 7.555.555             |
| 3. Chi phí phải trả                            | 325        | 11        | 35.000.000            | 1.235.000.000         |
| 4. Các khoản phải trả, phải nộp khác           | 329        | 12        | 10.000.000.000        | 3.842.272.440         |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>     | <b>400</b> |           | <b>5.747.706.879</b>  | <b>6.111.660.384</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>13</b> | <b>5.747.706.879</b>  | <b>6.111.660.384</b>  |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                   | 411        |           | 10.879.456.000        | 10.879.456.000        |
| 1.1. Vốn góp của chủ sở hữu                    | 411.1      |           | 10.823.458.000        | 10.823.458.000        |
| 1.2. Vốn khác của chủ sở hữu                   | 411.4      |           | 55.998.000            | 55.998.000            |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối                    | 417        |           | (5.131.749.121)       | (4.767.795.616)       |
| <b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> | <b>440</b> |           | <b>15.785.089.629</b> | <b>11.198.871.129</b> |

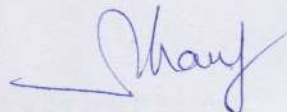
**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

| Chỉ tiêu   | Mã số | TM | 30/06/2018 | 31/12/2017 |
|--|-------|----|------------|------------|
| <b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b> |       |    |            |            |
| 1. Ngoại tệ các loại - USD                                 | 005   |    | 462,94     | 469,54     |

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Phạm Tuyết Thanh

Phạm Tuyết Thanh



Đặng Quốc Hùng

**BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG**  
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B02- CTCK  
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | TM        | Từ 01/01/2018        | Từ 01/01/2017        |
|---|------------|-----------|----------------------|----------------------|
|   |            |           | đến 30/06/2018       | đến 30/06/2017       |
| <b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>                               |            |           |                      |                      |
| 1.1. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán          | 08         |           | -                    | -                    |
| <b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01→11)</b>                | <b>20</b>  |           | -                    | -                    |
| <b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>                                |            |           |                      |                      |
| 2.1. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán            | 29         |           | -                    | -                    |
| <b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21→33)</b>                  | <b>40</b>  |           | -                    | -                    |
| <b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                   |            |           |                      |                      |
| 3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện    | 41         | 14        | 20.176.041           | -                    |
| 3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định   | 42         | 14        | 145.119              | 950.721              |
| <b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41→44)</b>      | <b>50</b>  |           | <b>20.321.160</b>    | <b>950.721</b>       |
| <b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>                                |            |           |                      |                      |
| 4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện      | 51         |           | -                    | 10.403               |
| <b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51→54)</b>                  | <b>60</b>  |           | -                    | <b>10.403</b>        |
| <b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>                                  | <b>61</b>  |           | -                    | -                    |
| <b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>              | <b>62</b>  | <b>15</b> | <b>384.274.665</b>   | <b>872.018.874</b>   |
| <b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)</b>      | <b>70</b>  |           | <b>(363.953.505)</b> | <b>(871.078.556)</b> |
| <b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>                  |            |           |                      |                      |
| 8.1. Thu nhập khác  | 71         |           | -                    | -                    |
| 8.2. Chi phí khác   | 72         |           | -                    | 250.766              |
| <b>Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)</b>              | <b>80</b>  |           | -                    | <b>(250.766)</b>     |
| <b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>   | <b>90</b>  |           | <b>(363.953.505)</b> | <b>(871.329.322)</b> |
| <b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>                                 | <b>100</b> |           | -                    | -                    |
| <b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b> | <b>200</b> |           | <b>(363.953.505)</b> | <b>(871.329.322)</b> |

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

*(Signature)*

Phạm Tuyết Thanh

Phụ trách kế toán

*(Signature)*

Phạm Tuyết Thanh



Đặng Quốc Hùng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

| Chi tiêu   | Mã số     | TM | Mẫu số B03b-CTCK                |                                 |
|--|-----------|----|---------------------------------|---------------------------------|
|  |           |    | Từ 01/01/2018<br>đến 30/06/2018 | Từ 01/01/2017<br>đến 30/06/2017 |
| Đơn vị tính: VND   |           |    |                                 |                                 |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                |           |    |                                 |                                 |
| 1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh                           | 01        |    | (363.953.505)                   | (871.329.322)                   |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                     | 02        |    |                                 |                                 |
| - Khấu hao TSCĐ  | 03        |    | 18.494.623                      | 19.217.730                      |
| - Lãi / (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện           | 05        |    | (118.585)                       | 10.403                          |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư  | 07        | 14 | (145.119)                       | (950.721)                       |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 30        |    | (345.722.586)                   | (853.051.910)                   |
| (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp  | 37        |    | 2.950.838.247                   | 1.908.112.918                   |
| (+) Tăng, (-) giảm chi phí phải trả                              | 41        |    | 5.124.000.895                   | 5.000.000                       |
| (-) Thuế TNDN đã nộp   | 43        |    | -                               | (14.916.450)                    |
| (+) Tăng, (-) giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên        | 46        |    | -                               | -                               |
| (+) Tăng, (-) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước           | 47        |    | (173.828.890)                   | (173.828.890)                   |
| (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác                       | 50        |    | 3.173.377                       | 6.957.703                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>             | <b>60</b> |    | <b>7.558.461.043</b>            | <b>878.273.371</b>              |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B03b - CTCK

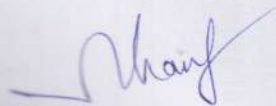
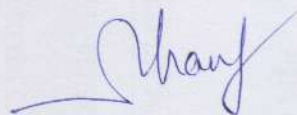
Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu   | Mã số | TM | Từ 01/01/2018<br>đến 30/06/2018 | Từ 01/01/2017<br>đến 30/06/2017 |
|--|-------|----|---------------------------------|---------------------------------|
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                   |       |    |                                 |                                 |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác | 61    |    | (96.363.636)                    | -                               |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia           | 65    |    | 145.119                         | 950.721                         |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>                 | 70    |    | <i>(96.218.517)</i>             | <i>950.721</i>                  |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>               |       |    |                                 |                                 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>              | 80    |    | -                               | -                               |
| <b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>                         | 90    |    | 7.462.242.526                   | 879.224.092                     |
| <b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>              |       |    |                                 |                                 |
| Tiền   | 101.1 |    | 5.828.679.723                   | 5.523.063.206                   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ          | 102   |    | (11.743)                        | 218.186                         |
| <b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>            |       |    |                                 |                                 |
| Tiền   | 103.1 |    | 15.347.274.142                  | 6.402.505.484                   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ          | 104   |    | 118.585                         | (10.403)                        |

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Phạm Tuyết Thanh

Phạm Tuyết Thanh



Đặng Quốc Hùng

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG**  
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số H04 - CTCK  
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                    | TM | Số dư đầu kỳ         |                      | Số tăng/ giảm   |                      |   |                      | Số dư cuối kỳ        |                      |
|-----------------------------|----|----------------------|----------------------|---|----------------------|---|----------------------|----------------------|----------------------|
|                             |    | Ngày 01/01/2017      | Ngày 01/01/2018      | Giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 |                      | Giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 |                      | Ngày 30/06/2017      | Ngày 30/06/2018      |
|                             |    |                      |                      | Tăng  | Giảm                 | Tăng  | Giảm                 |                      |                      |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu   | 13 | 10.823.458.000       | 10.823.458.000       | -   | -                    | -   | -                    | 10.823.458.000       | 10.823.458.000       |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu  | 13 | 55.998.000           | 55.998.000           | -   | -                    | -   | -                    | 55.998.000           | 55.998.000           |
| 3. Lợi nhuận chưa phân phối | 13 | (5.085.138.116)      | (4.767.795.616)      | -   | (871.329.322)        | -   | (363.953.505)        | (5.956.467.438)      | (5.131.749.121)      |
| <b>Cộng</b>                 |    | <b>5.794.317.884</b> | <b>6.111.660.384</b> | <b>-</b>  | <b>(871.329.322)</b> | <b>-</b>  | <b>(363.953.505)</b> | <b>4.922.988.562</b> | <b>5.747.706.879</b> |

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

*Phạm Tuyết Thanh*

Phạm Tuyết Thanh

Phụ trách kế toán

*Phạm Tuyết Thanh*

Phạm Tuyết Thanh



Đặng Quốc Hùng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B05 - CTCK

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 91-UBCK-GP ngày 21/04/2008 và 314/UBCK-GP ngày 22/03/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 10.823.458.000 VND.

**Ngành nghề kinh doanh:** Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Lô 6, tầng 1, tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

### 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

#### 4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 4.2 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 18 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/08/2012 của Bộ Tài chính và phù hợp với các quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B05 - CTCK**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**4.3 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

|                           | <u>Số năm</u> |
|---------------------------|---------------|
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05       |

**4.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí mua công cụ dụng cụ có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ trên 12 tháng trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

**4.5 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ nhưng chưa nhận được hóa đơn của nhà cung cấp.

**4.6 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận theo số vốn thực góp của các thành viên góp vốn.

**4.7 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu tài chính bao gồm tiền lãi và chênh lệch tỷ giá. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**4.8 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B05 - CTCK**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**4.8 Thuế (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.9 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.10 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B05 - CTCK**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**4.10 Biên liên quan (tiếp theo)**

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

**5. TIỀN**

|                    | 30/06/2018            | 31/12/2017           |
|--------------------|-----------------------|----------------------|
|                    | VND                   | VND                  |
| Tiền mặt           | 3.577.765.289         | 3.900.875.649        |
| Tiền gửi ngân hàng | 11.769.627.438        | 1.927.792.331        |
| <b>Cộng</b>        | <b>15.347.392.727</b> | <b>5.828.667.980</b> |

**6. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP**

|   | 30/06/2018 | 31/12/2017           |
|---|------------|----------------------|
|   | VND        | VND                  |
| Công ty TNHH Hoàng Thành Capital & Partners (*) | -          | 2.732.742.544        |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>-</b>   | <b>2.732.742.544</b> |

(\*) Phải thu từ Hợp đồng tư vấn cho Công ty TNHH Hoàng Thành Capital & Partners theo hợp đồng dịch vụ ký kết ngày 27/11/2017, Công ty cung cấp và hỗ trợ các thủ tục liên quan đến các giao dịch phân tích thị trường tài chính ngân hàng, phân tích top 15 ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam và phân tích ngân hàng HD Bank. Dịch vụ đã hoàn thành trong năm 2017 với giá trị là 2.732.742.544 VND. Ngày 28/03/2018, Công ty đã ký Biên bản nghiệm thu và Biên bản thanh lý Hợp đồng dịch vụ tư vấn trên.

**7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

|                    | 30/06/2018         | 31/12/2017         |
|--------------------|--------------------|--------------------|
|                    | VND                | VND                |
| Thuế TNDN nộp thừa | 270.590.439        | 270.590.439        |
| <b>Cộng</b>        | <b>270.590.439</b> | <b>270.590.439</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B05 - CTCK**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

|              | 30/06/2018<br>VND | 31/12/2017<br>VND    |
|--------------|-------------------|----------------------|
| Tài sản khác | -                 | 2.056.363.636        |
| <b>Cộng</b>  | <b>-</b>          | <b>2.056.363.636</b> |

Tài sản ngắn hạn khác là ô tô Toyota Land Cruiser Prado VX Công ty mua ngày 28/12/2017 với mục đích ban đầu làm tài sản cố định. Cuối năm 2017, Ban Giám đốc Công ty quyết định không sử dụng làm tài sản mà sẽ bán lại. Ngày 24/01/2018, Công ty đã nhượng bán lại ô tô trên cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Giang Sơn HB với giá bán bằng đúng giá vốn 2.056.363.636 VND (chưa bao gồm 10% thuế GTGT).

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                        | Thiết bị văn phòng<br>VND | Cộng<br>VND |
|------------------------|---------------------------|-------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>      |                           |             |
| Tại ngày 31/12/2017    | 275.005.297               | 275.005.297 |
| Tăng trong kỳ          | -                         | -           |
| Giảm trong năm         | 182.278.024               | 182.278.024 |
| Tại ngày 30/06/2018    | 92.727.273                | 92.727.273  |
| <b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b> |                           |             |
| Tại ngày 31/12/2017    | 211.641.661               | 211.641.661 |
| Tăng trong năm         | 18.494.623                | 18.494.623  |
| Khấu hao               | 18.494.623                | 18.494.623  |
| Giảm trong năm         | 182.278.024               | 182.278.024 |
| Tại ngày 30/06/2018    | 47.858.260                | 47.858.260  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b> |                           |             |
| Tại ngày 31/12/2017    | 63.363.636                | 63.363.636  |
| Tại ngày 30/06/2018    | 44.869.013                | 44.869.013  |

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                       | 30/06/2018<br>VND | 31/12/2017<br>VND |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.382.750         | 2.382.750         |
| <b>Cộng</b>           | <b>2.382.750</b>  | <b>2.382.750</b>  |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B05 - CTCK**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

|                                | 30/06/2018        | 31/12/2017           |
|--------------------------------|-------------------|----------------------|
|                                | VND               | VND                  |
| Chi phí dịch vụ chuyên môn (*) | -                 | 1.200.000.000        |
| Phí dịch vụ khác               | 35.000.000        | 35.000.000           |
| <b>Cộng</b>                    | <b>35.000.000</b> | <b>1.235.000.000</b> |

(\*) Chi phí dịch vụ chuyên môn là chi phí tư vấn về thị trường, công nghệ, thủ tục pháp lý Công ty phải chi trả cho Công ty TNHH Tư vấn TC Thủ Đô theo hợp đồng tư vấn số 01072017/TCTD-TCC ký ngày 03/07/2017. Dịch vụ đã hoàn thành trong năm 2017 với tổng giá trị hợp đồng là 1.320.000.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT 10%, giá trị chưa thuế GTGT là 1.200.000.000 VND).

**12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC**

|                                   | 30/06/2018            | 31/12/2017           |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                   | VND                   | VND                  |
| Bảo hiểm xã hội                   | -                     | 5.355.000            |
| Bảo hiểm y tế                     | -                     | 497.440              |
| Bảo hiểm thất nghiệp              | -                     | 420.000              |
| Ông Nguyễn Hoàng Thái góp vốn (*) | 5.000.000.000         | 1.836.000.000        |
| Ông Đặng Quốc Hùng góp vốn (*)    | 5.000.000.000         | 2.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>10.000.000.000</b> | <b>3.842.272.440</b> |

(\*) Khoản tiền này do ông Nguyễn Hoàng Thái và ông Đặng Quốc Hùng góp vốn để chuẩn bị tăng vốn điều lệ Công ty. Quá trình góp vốn cụ thể như sau:

- Trong năm 2016 ông Nguyễn Hoàng Thái đã nộp 1.836.000.000 VND. Ngày 29/12/2017 ông Đặng Quốc Hùng đã nộp 2.000.000.000 VND vào tài khoản Công ty để chuẩn bị tăng vốn điều lệ do thiếu vốn pháp định.
- Ngày 28/04/2018, Công ty trả lại ông Nguyễn Hoàng Thái toàn bộ số tiền đã nộp năm 2016 là 1.836.000.000 VND và ông Đặng Quốc Hùng toàn bộ số tiền đã nộp ngày 29/12/2017 là 2.000.000.000 VND do chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tăng vốn.
- Ngày 10/05/2018 ông Nguyễn Hoàng Thái nộp 5.000.000.000 VND, ông Đặng Quốc Hùng nộp 5.000.000.000 VND vào tài khoản phong tỏa của Công ty theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để chuẩn bị tăng vốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B05 - CTCK**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

|                         | Vốn góp của<br>chủ sở hữu | Vốn khác của<br>chủ sở hữu | Lợi nhuận/<br>(lỗ) lũy kế | Cộng          |
|-------------------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------|---------------|
| <b>KỲ TRƯỚC</b>         |                           |                            |                           |               |
| Số dư 01/01/2017        | 10.823.458.000            | 55.998.000                 | (5.085.138.116)           | 5.794.317.884 |
| Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ | -                         | -                          | (871.329.322)             | (871.329.322) |
| Số dư 30/06/2017        | 10.823.458.000            | 55.998.000                 | (5.956.467.438)           | 4.922.988.562 |
| <b>KỲ HIỆN TẠI</b>      |                           |                            |                           |               |
| Số dư 01/01/2018        | 10.823.458.000            | 55.998.000                 | (4.767.795.616)           | 6.111.660.384 |
| Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ | -                         | -                          | (363.953.505)             | (363.953.505) |
| Số dư 30/06/2018        | 10.823.458.000            | 55.998.000                 | (5.131.749.121)           | 5.747.706.879 |

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Ngày 25/06/2018, theo quyết định số 561/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam, Ông Đỗ Ngọc Minh (thành viên góp vốn) đã chuyển nhượng toàn bộ 20% vốn góp tại Công ty cho Ông Nguyễn Hoàng Thái (thành viên góp vốn). Tỷ lệ chi tiết vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2018 như sau:

|                                     | Vốn điều lệ đăng ký   |            | Vốn điều lệ đã góp    |            |
|-------------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|
|                                     | VND                   | %          | VND                   | %          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Kỳ       | 5.930.518.000         | 54,79      | -                     | -          |
| Đặng Quốc Hùng                      | -                     | -          | 2.164.691.600         | 20,00      |
| Nguyễn Hoàng Thái                   | -                     | -          | 3.765.826.400         | 34,79      |
| Công ty TC Capital Advisory Limited | 4.892.940.000         | 45,21      | 4.892.940.000         | 45,21      |
| <b>Cộng</b>                         | <b>10.823.458.000</b> | <b>100</b> | <b>10.823.458.000</b> | <b>100</b> |

**14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|   | Từ 01/01/2018<br>đến 30/06/2018<br>VND | Từ 01/01/2017<br>đến 30/06/2017<br>VND |
|---|--|--|
| Lãi tiền gửi  | 145.119                                | 950.721                                |
| Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ  | 20.057.456                             | -                                      |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ | 118.585                                | -                                      |
| <b>Cộng</b>   | <b>20.321.160</b>                      | <b>950.721</b>                         |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B05 - CTCK**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**15. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

|                                    | Từ 01/01/2018<br>đến 30/06/2018<br>VND | Từ 01/01/2017<br>đến 30/06/2017<br>VND |
|------------------------------------|--|--|
| Chi phí nhân viên                  | 201.423.330                            | 484.840.564                            |
| Nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng | 15.242.265                             | 6.968.703                              |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định   | 18.494.623                             | 19.217.730                             |
| Thuế, phí và lệ phí                | 4.392.749                              | 3.820.743                              |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài          | 50.820.000                             | 202.792.000                            |
| Chi phí bằng tiền khác             | 93.901.698                             | 154.379.134                            |
| <b>Cộng</b>                        | <b>384.274.665</b>                     | <b>872.018.874</b>                     |

**16. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Thu nhập của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc*

Từ 01/01/2018  
đến 30/06/2018  
VND

|              |                    |
|--------------|--------------------|
| Ban Giám đốc |                    |
| Lương        | 129.000.000        |
| <b>Cộng</b>  | <b>129.000.000</b> |

**17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.9.

|                                    | Giá trị sổ kế toán    |                 |                      |                 |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|                                    | 30/06/2018            |                 | 31/12/2017           |                 |
|                                    | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND       | Dự phòng<br>VND |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                       |                 |                      |                 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 15.347.392.727        | -               | 5.828.667.980        | -               |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 447.560               | -               | 2.732.742.544        | -               |
| <b>Cộng</b>                        | <b>15.347.840.287</b> | <b>-</b>        | <b>8.561.410.524</b> | <b>-</b>        |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B05 - CTCK**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

|                                   | Giá trị sổ kế toán    |                      |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                   | 30/06/2018            | 31/12/2017           |
|                                   | VND                   | VND                  |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>      |                       |                      |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 10.000.000.000        | 3.842.272.440        |
| Phải trả người lao động           | -                     | 7.555.555            |
| Chi phí phải trả                  | 35.000.000            | 1.235.000.000        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>10.035.000.000</b> | <b>5.084.827.995</b> |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**18. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và báo cáo giữa niên độ cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Phạm Tuyết Thanh

Phạm Tuyết Thanh



Đặng Quốc Hùng